

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**- 1 -
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v ly hôn giữa
Bà T và ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
2. Ông Nguyễn Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng T, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Võ Thành H, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/5/2023, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Võ Thành H cưới nhau vào năm 2022 và đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2022 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An. Bà và ông H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột không mong muốn. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay nhưng vẫn không bên nào có thiện chí hàn gắn. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông H và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thành H.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Võ Phan Phúc T1, sinh ngày 23/3/2023. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: không có.

- Về nợ: không có.

Do bận công việc nên bà Phan Thị Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Võ Thành H vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành H. Ông H có nơi cư trú tại ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Thành H đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng T và ông Võ Thành H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2022 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xung đột không mong muốn nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án, chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T để vợ chồng đoàn tụ, bà T cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, bà T không còn tình cảm với ông H và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Hồng T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà T cung cấp, bà T và ông H có 01 con chung là cháu Võ Phan Phúc T1, sinh ngày 23/3/2023. Xét thấy, bà T là người đang trực tiếp nuôi cháu T1, đã có cuộc sống ổn định và cháu T1 hiện dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được tiếp tục nuôi cháu Võ Phan Phúc T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Do ông H không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Do ông H không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: bà Phan Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2.6] Về quyền kháng cáo: bà Phan Thị Hồng T và ông Võ Thành H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng T về việc “Ly hôn” với ông Võ Thành H.

1. Về hôn nhân: bà Phan Thị Hồng T được ly hôn với ông Võ Thành H.

2. Về nuôi con chung: bà Phan Thị Hồng T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Võ Phan Phúc T1, sinh ngày 23/3/2023. Ông Võ Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: bà Phan Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0005542 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CCTHADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Trạch;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung

